**ĐẠI HỌC DUY TÂN**
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT THÁNG 12/2024**
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

*Thời gian : 09h00* **-** *05/01/2025* *- Phòng :* **128 - Cơ sở: 209 Phan Thanh**

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM | | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | SỐ | CHỮ | |
| 1 | 27201237675 | Đặng Thị Ngọc | Ánh | 04/09/2003 | Quảng Nam | 30THT12 | | | | | | |
| 2 | 27202821592 | Nguyễn Phương | Đoan | 19/10/2003 | Quảng Ngãi | 30THT12 | | | | | | |
| 3 | 29215255092 | Nguyễn Thanh | Hạnh | 29/12/2005 | Đắk Lắk | 30THT12 | | | | | | |
| 4 | 27207143916 | Hồ Thị | Hiếu | 18/08/2003 | Quảng Nam | 30THT12 | | | | | | |
| 5 | 28211105236 | Lê Anh | Hoàng | 18/12/2004 | Quảng Trị | 30THT12 | | | | | | |
| 6 | 27203102610 | Đinh Thị Thiên | Hương | 25/10/2003 | Quảng Trị | 30THT12 | | | | | | |
| 7 | 27203134672 | Hồ Thị Thanh | Kỳ | 07/09/2003 | Quảng Nam | 30THT12 | | | | | | |
| 8 | 27213243565 | Nguyễn Khánh | Linh | 01/06/2003 | Quảng Trị | 30THT12 | | | | | | |
| 9 | 27205141024 | Lê Nguyễn Khánh | Ly | 20/09/2002 | Quảng Nam | 30THT12 | | | | | | |
| 10 | 28204540190 | Nguyễn Trà | My | 22/02/2004 | Bình Định | 30THT12 | | | | | | |
| 11 | 27203239481 | Đỗ Thị | Nghĩa | 09/04/2003 | Quảng Nam | 30THT12 | | | | | | |
| 12 | 27204341468 | Nguyễn Thị Kim | Ngọc | 25/12/2003 | Đà Nẵng | 30THT12 | | | | | | |
| 13 | 27218739229 | Nguyễn Thiệu Lê | Nguyên | 02/05/2003 | Đắk Lắk | 30THT12 | | | | | | |
| 14 | 27203102998 | Nguyễn Thị Bảo | Nhật | 20/04/2003 | Quảng Nam | 30THT12 | | | | | | |
| 15 | 27202438897 | Nguyễn Thị Thu | Nhi | 16/10/2003 | Đắk Lắk | 30THT12 | | | | | | |
| 16 | 27208700724 | Nguyễn Yến | Nhi | 15/03/2003 | Đắk Lắk | 30THT12 | | | | | | |
| 17 | 27203938561 | Trần Thị | Phúc | 13/02/2003 | Đắk Lắk | 30THT12 | | | | | | |
| 18 | 27212220501 | Nguyễn Hồng | Phúc | 30/10/2003 | Gia Lai | 30THT12 | | | | | | |
| 19 | 27205100082 | Trần Thị Như | Quỳnh | 10/08/2002 | Quảng Nam | 30THT12 | | | | | | |
| 20 | 27212643511 | Trần Võ Lệ | Quỳnh | 18/11/2003 | Đà Nẵng | 30THT12 | | | | | | |
| 21 | 27203253218 | Bùi Hoàng | Sa | 26/04/2003 | Đà Nẵng | 30THT12 | | | | | | |
| 22 | 27202225364 | Võ Mai | Na | 12/02/2003 | Đà Nẵng | 29CHT4 | | | | | | Thi ghép |
| 23 | 27202225363 | Trương Thị Tuyết | Nhi | 08/06/2003 | Đà Nẵng | 29CHT4 | | | | | | Thi ghép |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG** **GIÁM THỊ 1, 2, 3** **GIÁM KHẢO 1, 2** **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT THÁNG 12/2024**
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

*Thời gian : 09h00* **-** *05/01/2025* *- Phòng :* **129 - Cơ sở: 209 Phan Thanh**

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM | | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | SỐ | CHỮ | |
| 1 | 27203102728 | Bùi Thị Anh | Thư | 24/07/2003 | Quảng Nam | 30THT12 | | | | | | |
| 2 | 27203121276 | Nguyễn Thị Thu | Thúy | 15/10/2003 | Quảng Ngãi | 30THT12 | | | | | | |
| 3 | 27202200632 | Phan Thị Thu | Trà | 30/04/2003 | Quảng Nam | 30THT12 | | | | | | |
| 4 | 27203133001 | Trần Thị Phương | Trang | 21/02/2003 | Quảng Nam | 30THT12 | | | | | | |
| 5 | 28214505656 | Phạm Thành | Trung | 30/01/2004 | Bình Định | 30THT12 | | | | | | |
| 6 | 27203102297 | Trần Thị Ngọc | Vân | 21/09/2003 | Đà Nẵng | 30THT12 | | | | | | |
| 7 | 28206749944 | Võ Thị Thúy | Vân | 20/07/2003 | Quảng Nam | 30THT12 | | | | | | |
| 8 | 27204841357 | Lê Nguyễn Tường | Vi | 11/03/2003 | Hồ Chí Minh | 30THT12 | | | | | | |
| 9 | 27208627629 | Nguyễn Thị Thanh | Bình | 29/09/2003 | Lâm Đồng | 30TSC7 | | | | | | |
| 10 | 27208623234 | Trần Thị Thục | Cẩm | 24/03/2003 | Quảng Nam | 30TSC7 | | | | | | |
| 11 | 27202242412 | Nguyễn Thị Kim | Chi | 12/04/2003 | Quảng Bình | 30TSC7 | | | | | | |
| 12 | 27218644065 | Trần Đức | Cường | 19/05/2003 | Bình Phước | 30TSC7 | | | | | | |
| 13 | 27202239946 | Nguyễn Thị Thu | Diệu | 29/07/2003 | Đà Nẵng | 30TSC7 | | | | | | |
| 14 | 27212243422 | Phạm Quốc | Duy | 01/07/2003 | Quảng Trị | 30TSC7 | | | | | | |
| 15 | 27202224644 | Nguyễn Võ Thùy | Duyên | 18/10/2003 | Đà Nẵng | 30TSC7 | | | | | | |
| 16 | 27202227020 | Lê Trần Gia | Hân | 27/11/2003 | Đà Nẵng | 30TSC7 | | | | | | |
| 17 | 27202236102 | Tôn Khánh | Hân | 04/10/2003 | Gia Lai | 30TSC7 | | | | | | |
| 18 | 27208601559 | Nguyễn Thị Phương | Hiền | 24/11/2003 | Đắk Lắk | 30TSC7 | | | | | | |
| 19 | 28206605047 | Thái Thúy | Hiền | 27/09/2003 | Nghệ An | 30TSC7 | | | | | | |
| 20 | 27212201589 | Bùi Thanh | Lợi | 13/11/2003 | Bình Định | 30TSC7 | | | | | | |
| 21 | 27212821353 | Lê Huỳnh Hà | Minh | 29/08/2003 | Quảng Ngãi | 30TSC2 | | | | | | Thi ghép |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG** **GIÁM THỊ 1, 2, 3** **GIÁM KHẢO 1, 2** **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT THÁNG 12/2024**
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

*Thời gian : 09h00* **-** *05/01/2025* *- Phòng :* **207 - Cơ sở: 209 Phan Thanh**

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM | | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | SỐ | CHỮ | |
| 1 | 27218629679 | Phạm Thành | Long | 10/12/2003 | Kon Tum | 30TSC7 | | | | | | |
| 2 | 27212201368 | Lê Nhật Thảo | Ly | 23/09/2003 | Đà Nẵng | 30TSC7 | | | | | | |
| 3 | 27202201251 | Nguyễn Thị Ty | Na | 11/09/2003 | Đắk Lắk | 30TSC7 | | | | | | |
| 4 | 27207125343 | Nguyễn Thị Tuyết | Nga | 08/10/2003 | Quảng Nam | 30TSC7 | | | | | | |
| 5 | 27202741914 | Nguyễn Hoàng Thu | Ngân | 09/01/2003 | Đà Nẵng | 30TSC7 | | | | | | |
| 6 | 27202229803 | Lê Ánh | Nguyệt | 15/05/2003 | Bình Định | 30TSC7 | | | | | | |
| 7 | 28204603492 | Lê Huỳnh | Như | 26/04/2004 | Quảng Nam | 30TSC7 | | | | | | |
| 8 | 28208006871 | Châu Kiều | Như | 02/05/2004 | Quảng Ngãi | 30TSC7 | | | | | | |
| 9 | 28204304281 | Phan Thị Hồng | Nhung | 17/03/2004 | Thừa Thiên Huế | 30TSC7 | | | | | | |
| 10 | 27202202407 | Ngô Thị Kiều | Oanh | 12/06/2003 | Quảng Nam | 30TSC7 | | | | | | |
| 11 | 27212233719 | Lê Đào Hồng | Phúc | 21/03/2003 | Đà Nẵng | 30TSC7 | | | | | | |
| 12 | 28206550581 | Đoàn Thị | Phúc | 26/09/2004 | Quảng Nam | 30TSC7 | | | | | | |
| 13 | 28205102664 | Nguyễn Thị Kim | Thư | 25/03/2004 | Đắk Lắk | 30TSC7 | | | | | | |
| 14 | 27207231361 | Huỳnh Thị Thanh | Thủy | 01/01/2003 | Đà Nẵng | 30TSC7 | | | | | | |
| 15 | 27202221524 | Nguyễn Thị Minh | Trâm | 12/05/2003 | Gia Lai | 30TSC7 | | | | | | |
| 16 | 27202835675 | Bùi Thu | Trâm | 09/08/2003 | Quảng Nam | 30TSC7 | | | | | | |
| 17 | 26202235298 | Trầm Bảo | Trân | 03/11/2002 | Đà Nẵng | 30TSC7 | | | | | | |
| 18 | 27212253540 | Trần Phan Ngọc | Trân | 24/01/2003 | Đà Nẵng | 30TSC7 | | | | | | |
| 19 | 27202202898 | Nguyễn Thị Huyền | Trang | 20/05/2003 | Hà Tĩnh | 30TSC7 | | | | | | |
| 20 | 27202237700 | Nguyễn Thị | Trúc | 24/01/2003 | Đắk Lắk | 30TSC7 | | | | | | |
| 21 | 28206201852 | Bùi Thị Mỹ | Vân | 20/08/2003 | Gia Lai | 30TSC7 | | | | | | |
| 22 | 27202235682 | Trần Phương Hải | Yến | 24/04/2003 | Quảng Nam | 30TSC7 | | | | | | |
| 23 | 27207201374 | Nguyễn Thị Khánh | Linh | 14/06/2003 | Gia Lai | 30TYC9 | | | | | | |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG** **GIÁM THỊ 1, 2, 3** **GIÁM KHẢO 1, 2** **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**